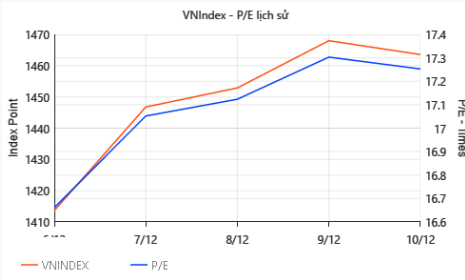




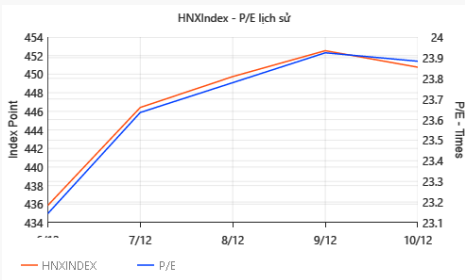
Bộ phận Chiến lược đầu tư

VN-INDEX



Điểm số	1,463.54
Tuần qua (WoW)	1.40%
Từ đầu năm (YTD)	32.58%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-16.82%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-21.63%
P/E	17.25
P/B	2.75

HNX -INDEX



Điểm số	450.75
Tuần qua (WoW)	0.33%
Từ đầu năm (YTD)	121.91%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-19.22%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-17.74%
P/E	23.88
P/B	2.56

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG

Thanh khoản suy yếu cho thấy sự thận trọng của cả bên bán và bên mua khi các thông tin có thể coi là tiêu cực đều đã xuất hiện và thị trường có nhịp giảm đến 70 điểm nhưng cũng đã hồi phục tương đối ngay trong một số phiên gần đây. Nhìn chung vận động của thị trường Việt Nam cũng có mức biến động cao giống như thị trường thế giới trong giai đoạn hiện tại khi dòng tiền vẫn đang được thu hút vào kênh chứng khoán nhưng cũng e ngại vùng giá đỉnh.

Trong tuần qua Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam VNX cũng đã hình thành, hoạt động dưới hình thức là công ty mẹ nắm 100% vốn của cả HSX và HNX. Việc đưa VNX đi vào hoạt động sẽ phân công lại nhiệm vụ cho HNX sẽ có nhiệm vụ chính là tổ chức, vận hành thị trường chứng khoán phái sinh, trái phiếu trong khi HoSE có nhiệm vụ tổ chức, vận hành thị trường giao dịch cổ phiếu. Dù còn sớm nhưng việc tổ chức tập trung sẽ giúp thống nhất các mảng thị trường còn phân tán, giải quyết nhiều vấn đề tồn đọng để lộ trình nâng hạng thị trường trở nên gần hơn. Và đây có thể là một trong những yếu tố quyết định nhưng không được kỳ vọng cao trên thị trường, có thể tạo sự đột biến nếu tiến độ của nhiều dự án được đẩy nhanh.

Nhìn chung, giai đoạn hiện tại cần sự kiên nhẫn để mua vào cổ phiếu ở vùng giá hợp lý và sẵn sàng nắm giữ trong trung hạn.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

Danh mục Nắm giữ & Danh mục Giao dịch: không điều chỉnh trong tuần.

CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

Thị trường có tuần tăng điểm nhưng trạng thái chung suy yếu thì vẫn duy trì. Việc giải ngân tại thời điểm này do đó khả năng cao sẽ chỉ có thể mang tính ngắn hạn, và cần được thực hiện ở vùng giá thấp, cân bằng. Còn tỉ trọng cổ phiếu nếu đang được giữ ở mức cao quá khả năng chịu đựng và được tạo nên bởi các vị thế mua đuổi thì sẽ rất nguy hiểm và nên được xử lý để đề phòng rủi ro.

Nội dung	Tr.	Nội dung	Tr.
Danh mục Khuyến nghị	2	News focus	6
Nhận định chiến lược	3	Factset	6
PTKT VN-Index	5	Lịch đầu tư tuần tới	14

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM
Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%	-	9.6%	175.6%
CTG	04/08/21	1	34,000	Mua	39,200	15.3%	16.8%	-	-1.3%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	14.0%	-	16.8%
HAH*	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%	-	15.3%	190.2%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	2.4%	-	30.6%
VHM*	31/05/21	2	77,600	Nắm giữ	77,500	0%	-	4.3%	39.2%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%	-	54.1%	76.8%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%	-	122.8%	150.0%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	-	14.7%	85.6%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%	-	45.1%	154.6%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	15.0%	-	124.0%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	-	33.7%	70.0%
TPB*	05/02/21	1	26,700	Nắm giữ	34,500	29.2%	-	50.7%	94.8%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%	-	15.8%	90.8%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	-	4.0%	26.5%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	4.9%	-	38.4%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	26,000 - 28,000	46,000	21,900	1:3	-6.4%
TNG	24/08/21	25,460 - 26,850	35,180	24,000	1:3	22.2%
SLS	18/08/21	131,000 - 147,000	212,000	125,000	1:3	4.3%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	27.5%
LAS*	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	75.0%
ABI*	17/06/21	45,614 - 49,123	65,789	42,982	1:2.7	18.5%
VND*	09/06/21	32,280 - 35,100	50,140	29,460	1:2.7	125.1%
DPG*	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	185.2%
GVR	28/05/21	26,300 - 29,500	48,400	23,900	1:3.5	27.1%
BID	28/05/21	46,000 - 48,500	65,000	42,500	1:3	-8.0%
SSI*	20/05/21	25,100 - 26,950	35,250	23,100	1:2	96.7%
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000	1:3.5	11.7%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	34.2%
SMC*	11/05/21	34,800 - 37,500	50,000	31,000	1:2	15.6%
BCG*	12/04/21	13,200 - 13,600	17,533	12,333	1:3	89.3%
DIG*	08/04/21	25,667 - 26,522	40,211	23,186	1:4	158.3%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	39.1%
CEO*	06/04/21	13,000 - 13,700	19,000	11,900	1:3	178.1%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	36.2%
TTF	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	46.0%
VIC*	26/03/21	96,900-101,300	128,900	95,100	1:4.5	1.8%
VCB	18/03/21	96,300 - 98,500	125,000	94,000	1:6	1.5%
GEG	08/03/21	16,550 - 17,650	25,700	15,455	1:4	10.8%
FCN	08/03/21	13,700 - 14,700	21,700	13,100	1:4.5	67.0%
PVD	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900	1:4	13.3%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	214.6%
GAS*	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	15.7%
CNG*	17/02/21	19,900 - 21,000	29,500	18,600	1:3.5	44.5%
CCL*	17/02/21	10,000 - 11,000	18,000	8,700	1:3	54.5%
SAM*	17/02/21	11,200 - 12,100	22,500	10,200	1:5	63.6%
LAF*	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	75.2%
VSH*	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	44.7%
MSR*	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	30.0%
SFI*	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	132.3%
PGV*	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	131.0%
CKG*	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	349.1%
DRI*	20/10/20	4,430 - 4,930	9,930	3,630	1:4	236.7%

NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Thị trường có tuần tăng điểm tốt nhưng thanh khoản đang là vấn đề gây lo ngại. Chỉ số VN-Index đã có tuần hồi phục 1.4% nhưng khối lượng và giá trị khớp lệnh giảm lần lượt 17% và 21.6% trên sàn HOSE. Độ rộng tuần qua cũng nghiêng về phía giảm điểm dù thị trường chung hồi phục với 139 mã tăng/ 250 mã giảm.

Dẫn dắt đà hồi phục trong tuần qua là 2 bluechip ngân hàng BID và VCB cùng với POW trong khi lấy điểm nhiều nhất của thị trường là VIC, HPG và SAB. Thực sự thì trừ POW đang cho thấy xu hướng tăng tích cực và vượt đỉnh, nhóm ngân hàng hồi phục dựa chủ yếu do đã giảm mạnh lại về đáy trung hạn trong khi VIC chịu áp lực chốt lời T+ sau khi là mã cộng điểm nhiều nhất cho thị trường tuần trước. Xu hướng chủ đạo của dòng tiền hiện tại ưu tiên giao dịch ngắn hạn.

Khối ngoại đã có một tuần giảm bán và chuyển sang mua ròng với giá trị trung bình 370 tỷ trên HSX, tập trung vào nhóm cổ phiếu Vin gồm VHM, VRE và VIC. Nhưng ngược lại nhóm tự doanh chứng khoán lại bán ra 252 tỷ, một nửa lực bán này nằm tại MWG.

Dòng tiền vẫn tập trung chủ yếu vào Bất động sản, Chứng khoán và Ngân hàng khi 3 nhóm ngày đứng đầu thanh khoản tuần qua. DGC cùng nhóm Phân bón và Cao su (liên quan đến Khu Công nghiệp) đưa Hoá chất thành ngành có mức hồi phục tốt nhất trong tuần. Cổ phiếu điện POW và NT2 trong nhóm tiện ích cũng cho thấy mức tăng đáng chú ý. Nhìn chung, hầu hết nhóm ngành đều có sự hồi phục tuần qua trừ nhóm Thép và Công nghiệp. Trong khi xu hướng điều chỉnh đang thể hiện rõ tại các mã thép đầu ngành như NKG, HSG và cả HPG thì nhóm Công nghiệp có GEX và VEA.

Trên thị trường BĐS, việc lô đất 10,000 m² được bán với giá hơn 1 tỷ USD (24,500 tỷ đồng) – tương đương với 2,45 tỷ đồng/m² đang khiến cho thị trường xôn xao. Nhóm cổ phiếu bất động sản trong thời gian vừa qua đã có sự chững lại sau chuỗi tăng điểm mạnh trước đó, thông tin giá đất bất thường này có thể tác động tạo kỳ vọng trong một số phiên đầu tuần tới. Tuy vậy, chiến lược phù hợp hơn cho giai đoạn hiện tại vẫn là tăng tỷ lệ sở hữu tại các mức giá hợp lý.

CHIẾN LƯỢC

Nhìn chung thị trường dù tăng cũng chưa có các diễn biến đáng chú ý trong tuần, thậm chí rủi ro điều chỉnh vẫn còn cao khi lực mua chưa sẵn sàng tại vùng giá cao hơn, ngoài ra là áp lực của nhiều vùng cản thu hút lực bán chốt lời của các vị thế nắm giữ trung hạn. Tuy nhiên vùng giá hiện tại đã cho thấy sự ổn định với sự xuất hiện của lực cầu bắt đáy khi giá giảm sâu, hoạt động mua vào đã có thể được thực hiện. Nhà đầu tư nên kiên nhẫn canh mua tại các phiên điều chỉnh, sẵn sàng nắm giữ cổ phiếu với mục tiêu ít nhất cũng cần hướng đến kỳ báo cáo cuối năm kể cả đối với các vị thế ngắn hạn.

BỐI CẢNH QUỐC TẾ

Sau một tuần điều chỉnh sâu vì Omicron, FED, các thị trường thế giới đều chung đà hồi phục giống Việt Nam. Cả 3 chỉ số thị trường Mỹ dẫn đầu đà hồi phục trong tuần khi Nasdaq, S&P500 và Dow Jones tăng lần lượt 3.6%, 3.8% và 4% trong tuần.

Thực sự thì tại Mỹ hay châu Âu, biến chứng mới của Covid đã không còn tác động quá lớn khi nằm trong dự báo, mức tăng mạnh của lạm phát mới là áp lực lớn nhất. CPI của Mỹ đã tăng nhanh nhất trong khoảng 39 năm khi tăng 6.8% y-o-y vào tháng 11, tháng thứ 6 liên tiếp CPI tăng trên 5%. Các biện pháp kiểm soát lạm phát sẽ được FED thảo luận trong tuần tới.

Căng thẳng chính trị tiếp tục duy trì tại Ukraine, Mỹ và G7 đã cảnh báo Nga về các biện pháp trừng phạt kinh tế sẽ phải chịu nếu có hành động quân sự Ukraine.

Cũng trong tuần qua, Evergrande đã bị Fitch xếp hạng vào mức vỡ nợ giới hạn đối với các trái phiếu đô la của tập đoàn này. Chính phủ Trung Quốc dường như muốn thực hiện tái cấu trúc mạnh tay với Evergrande để tránh đổ vỡ hệ thống tài chính. Cũng trong tuần vừa qua, nhằm ổn định thị trường, Trung Quốc cũng đã thực hiện cắt tỷ lệ dự trữ bắt buộc đi 50 điểm cơ bản, xuống 8.4%, từ ngày 15/12. Động thái này tương ứng bơm 188 tỷ USD vào hệ thống để ổn định nền kinh tế. Động thái tiếp theo sẽ có thể là cắt giảm lãi suất với các khoản vay đạt chuẩn.

VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX có tuần tăng 1.4%, mở cửa tuần sát với tham chiếu và cao hơn đáng kể so với mức thấp nhất tuần, đóng cửa tuần cao hơn mở cửa và thấp hơn mức cao nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần thấp hơn tuần liền trước và thấp hơn trung bình.

Thị trường có ngày đầu tuần giảm mạnh với khối lượng giao dịch lớn, dù vậy thì đã bật lên ở vùng hỗ trợ 1,400 khi lực mua bắt đáy mạnh mẽ gia nhập. Trong 3 ngày giữa tuần sau đó, VNINDEX đều tăng điểm tích cực nhưng khối lượng giao dịch thì rất thấp. Nó cho thấy lực bán giá thấp đã cạn kiệt và chỉ cần lực mua nhẹ là đủ để đẩy thị trường tăng trở lại. Tuy nhiên, đến ngày thứ sáu cuối tuần, khi khối lượng giao dịch tăng thì VNINDEX đã có ngày giảm điểm trở lại, nó cho thấy xu hướng suy yếu vẫn đang là chủ đạo.

Nhìn chung, với trạng thái tâm lý như vậy thì áp lực bán mạnh để đẩy thị trường giảm mạnh thủng khỏi vùng hỗ trợ 1,400 khả năng cao là khó xảy ra. Tuy nhiên thì lực mua đủ mạnh để giúp xu hướng tăng quay trở lại ngay lập tức cũng là chưa thể xuất hiện, khi mà các cổ phiếu vốn hóa nhỏ và vừa sẽ cần điều chỉnh thêm để về đến vùng cân bằng. Trạng thái cho chỉ số chung VNINDEX, do đó sẽ vẫn là suy yếu, nhưng theo hướng đi ngang nhiều hơn.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,390 – 1,410
Kháng cự	1,500 – 1,520

TIN DOANH NGHIỆP**Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – VCB VN**

Vietcombank sẽ chia cổ tức tiền mặt năm 2020, tỷ lệ 12%. Đồng thời phát hành hơn 1,02 tỷ cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2019 với tỷ lệ 27,6%. Ngày đăng ký cuối cùng là 23/12/2021.

CTCP Vĩnh Hoàn - VHC VN

CTCP Vĩnh Hoàn (mã chứng khoán VHC - sàn HOSE) thông qua kế hoạch tạm ứng năm 2021. Theo đó, công ty dự kiến tạm ứng cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 20%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ nhận 2.000 đồng, ngày đăng ký cuối cùng là 22/12 và ngày thanh toán dự kiến 31/12/2021.

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG
1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	45.5%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	68.2%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.
 Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.
 Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

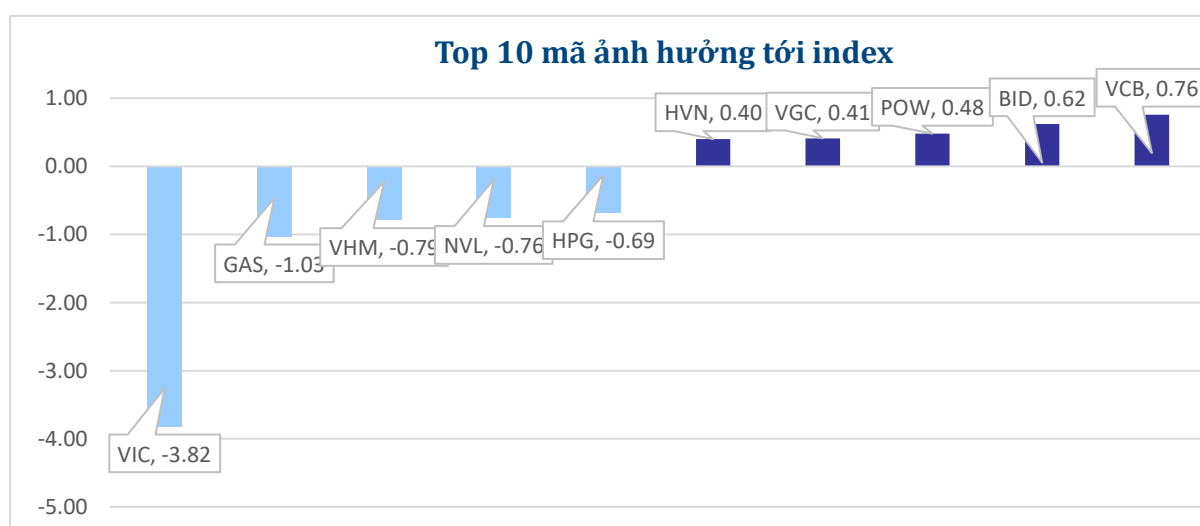
BIẾN ĐỘNG PHIÊN CUỐI TUẦN

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,463.54	-0.30%	-4.44	798.29	23,011.3	169	59	275
Vn30 - Index	1,519.46	-0.66%	-10.15	177.98	7,849.8	10	0	20
Vn - Mid	2,042.73	0.44%	8.86	267.84	8,849.5	36	6	28
VN - Small	2,036.28	0.05%	1.11	226.20	3,940.0	68	28	96
HNX - Index	450.75	-0.39%	-1.78	103.34	2,660.4	89	58	192
Upcom - Index	11.42	-0.44%	-0.49	178.26	1,871.5	192	80	244

THANH KHOẢN PHIÊN CUỐI TUẦN

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	23,011.30	17.91%	798.29	19.96%
HNX	2,660.40	7.26%	103.34	17.05%

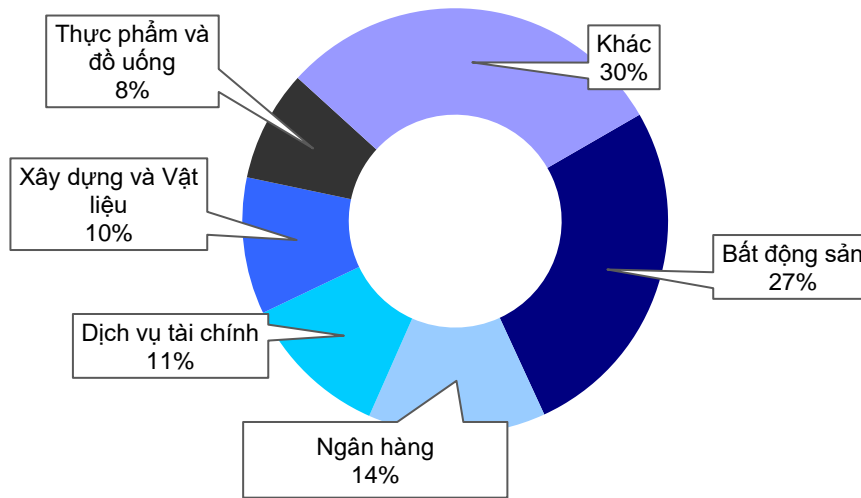
CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG PHIÊN



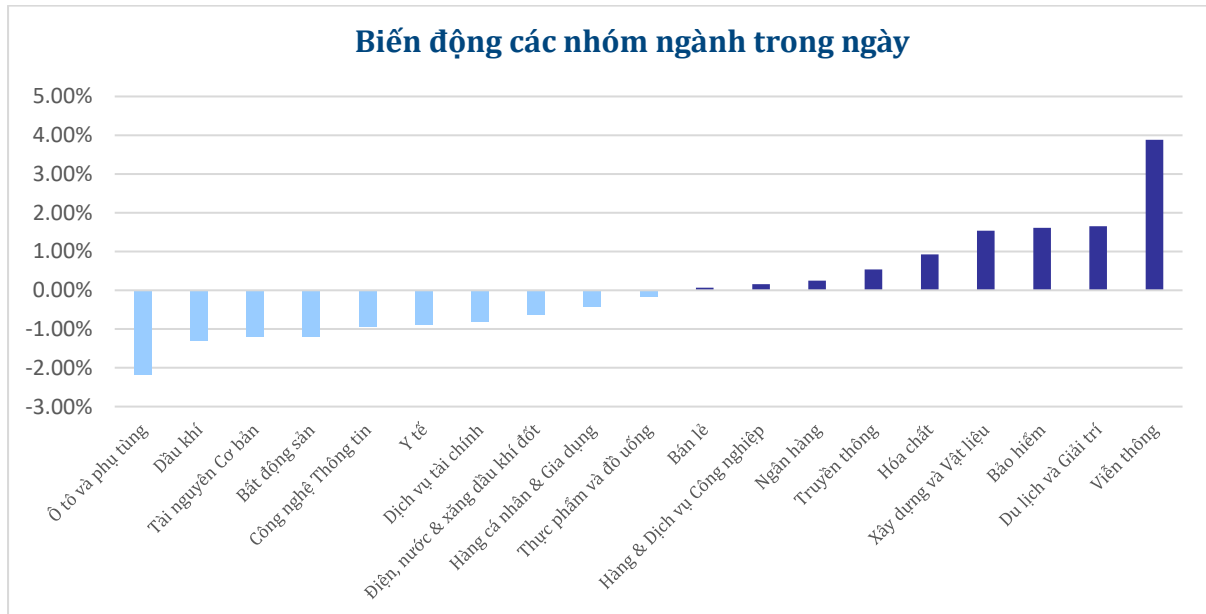
Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)	Top GTGD (tỷ đồng)	Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)	Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)					
POW	38.82	HPG	909.5	SJF	1168%	VGC	6.9%	PVL	-10.0%
HAG	30.82	SSI	743.3	IDI	579%	TNG	6.5%	TNI	-6.9%
HNG	29.79	KBC	646.3	PC1	362%	PC1	6.4%	MCG	-6.9%
SJF	23.72	POW	616.7	HNG	304%	SZC	5.9%	TNT	-6.9%
IDI	23.15	VPB	548.9	SZC	286%	POW	5.2%	SJF	-6.7%

NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày



Biến động các nhóm ngành trong ngày



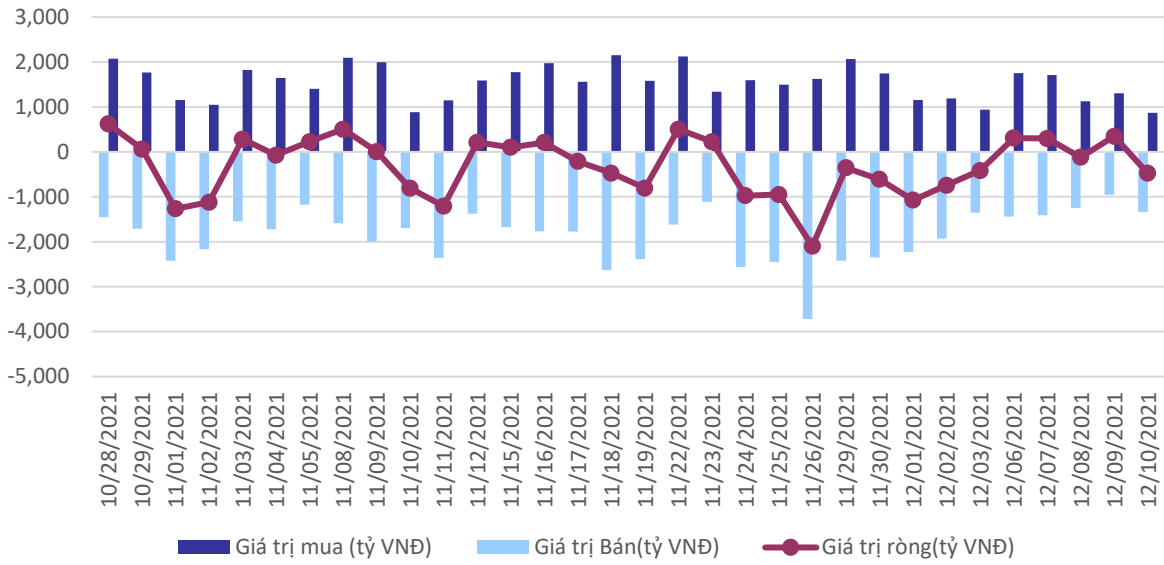
GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE bán ròng 474.32 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 19.05 tỷ đồng.

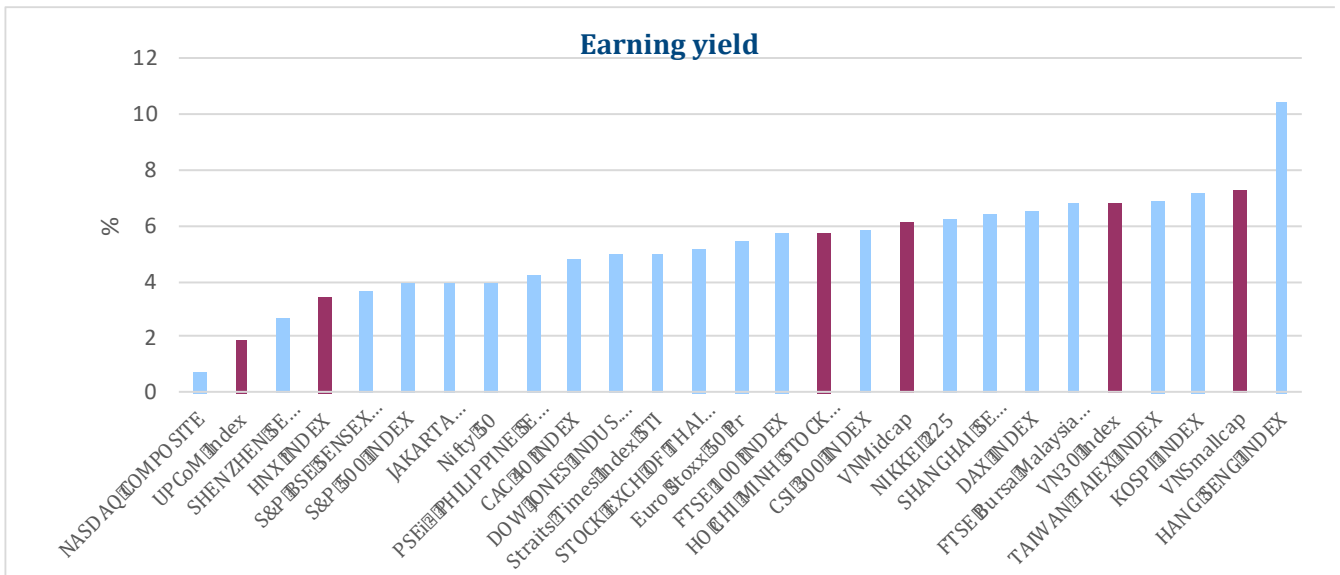
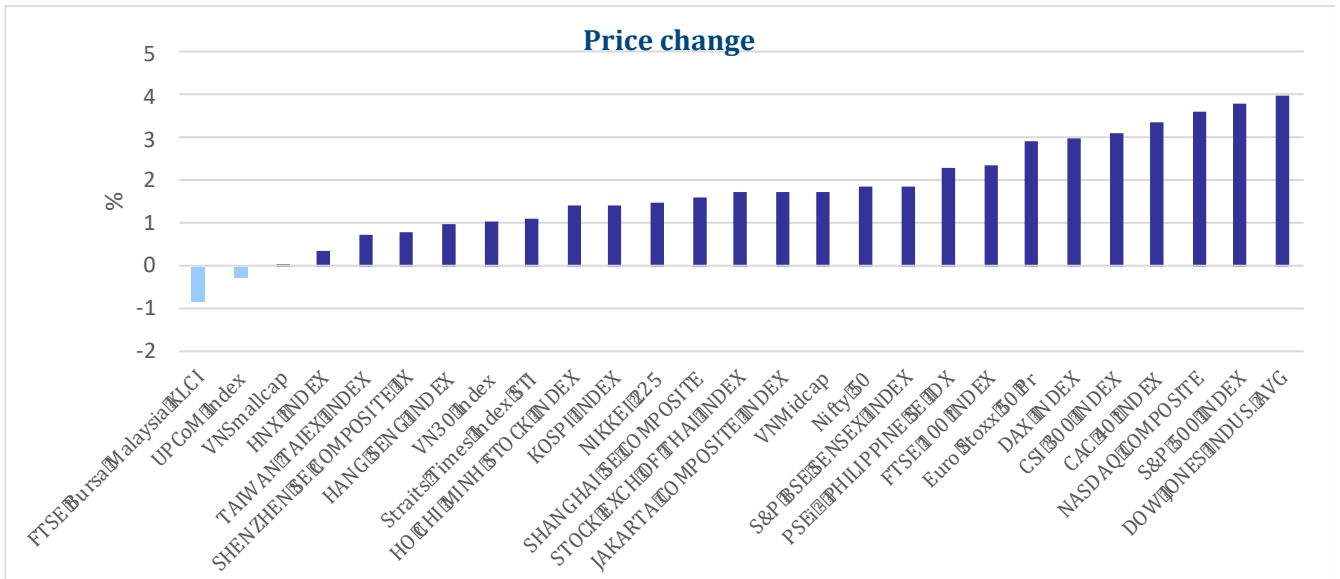
Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
VRE	47.05	HPG	134.29
POW	28.92	TCH	89.06
DXS	27.83	NVL	53.97
DPM	21.94	VCB	48.67
FRT	19.77	VNM	35.99



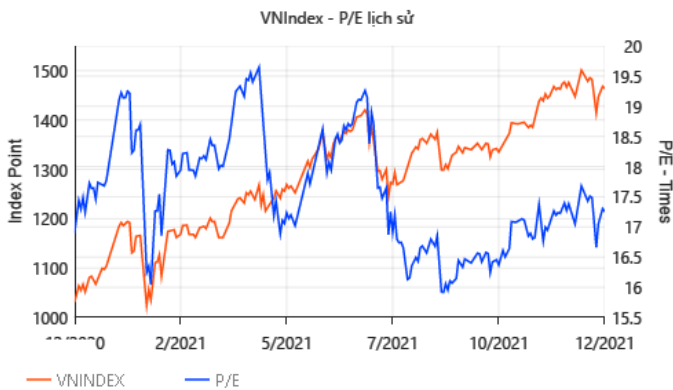
Giao dịch khối ngoại 30 phiên gần nhất trên HOSE



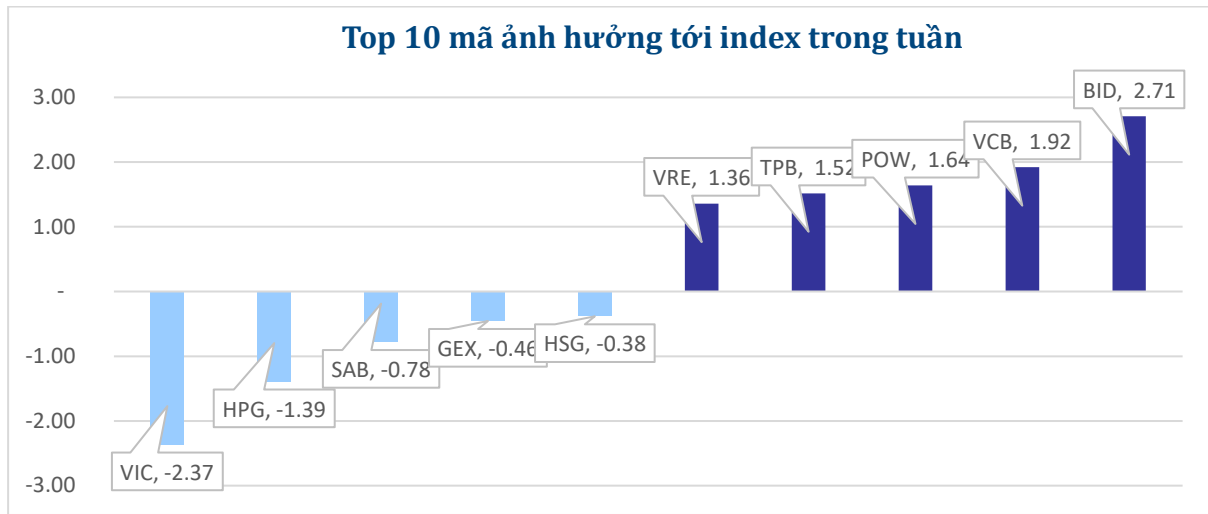
BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN



ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)

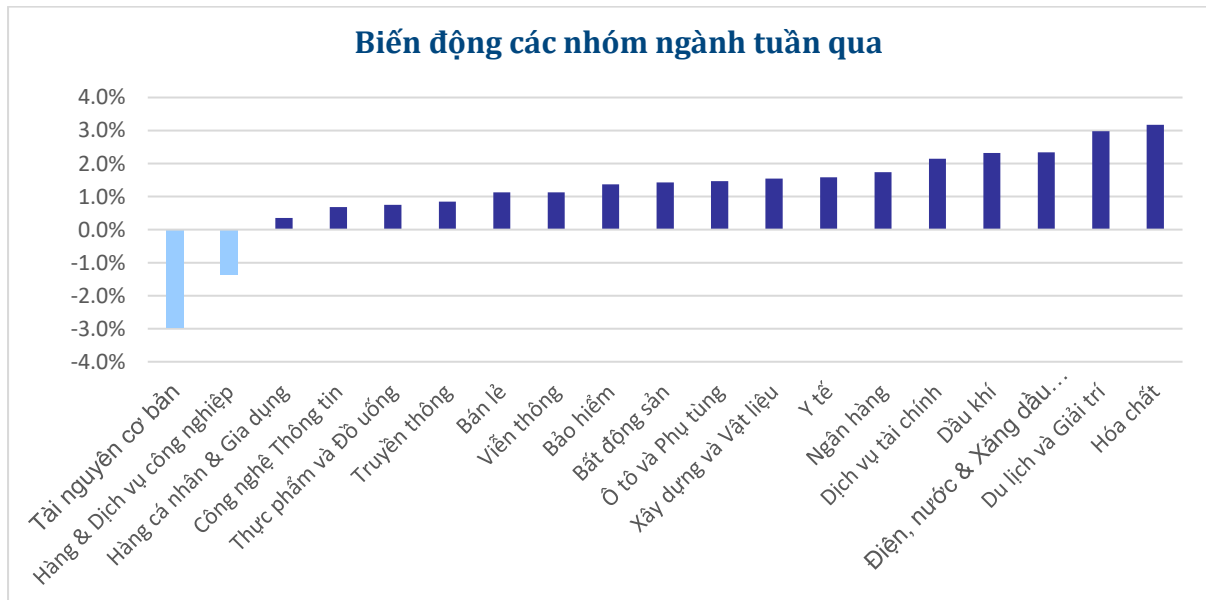


CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA

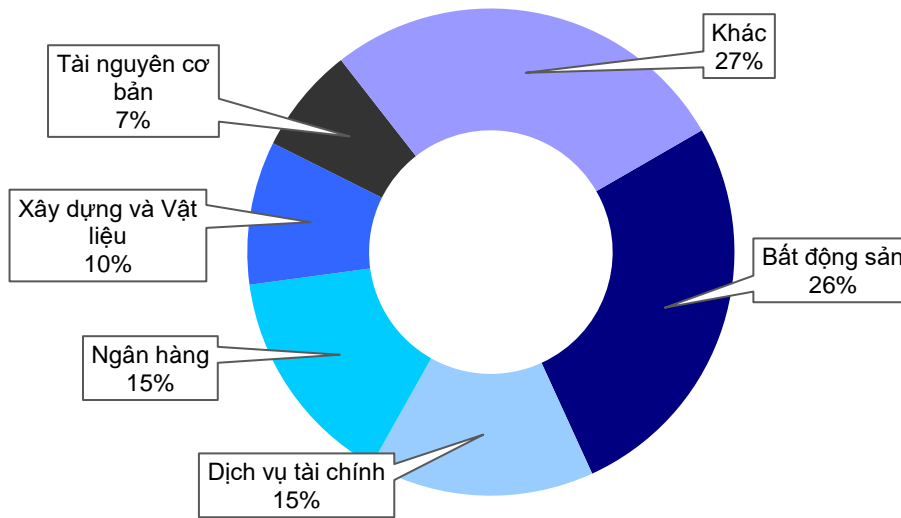


Top KLGD (triệu cp/phiên)	Top GTGD (tỷ đồng/phiên)	Độ biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần	Top tăng điểm với thanh khoản cao	Top giảm điểm với thanh khoản cao					
HAG	36.4	SSI	938.0	OCH	4.42x	PTL	28.1%	SJF	-29.7%
ROS	33.9	HPG	912.6	PTL	3.29x	POW	19.9%	PVL	-27.1%
POW	31.6	VPB	578.5	VCG	3.14x	HAG	19.9%	IDI	-21.0%
ITA	24.8	KBC	556.0	VMC	2.93x	TIG	19.3%	TNI	-19.8%
HPG	19.5	PDR	544.0	SIP	2.45x	HNG	18.6%	TSC	-16.1%

NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN



Đóng góp thanh khoản trong tuần

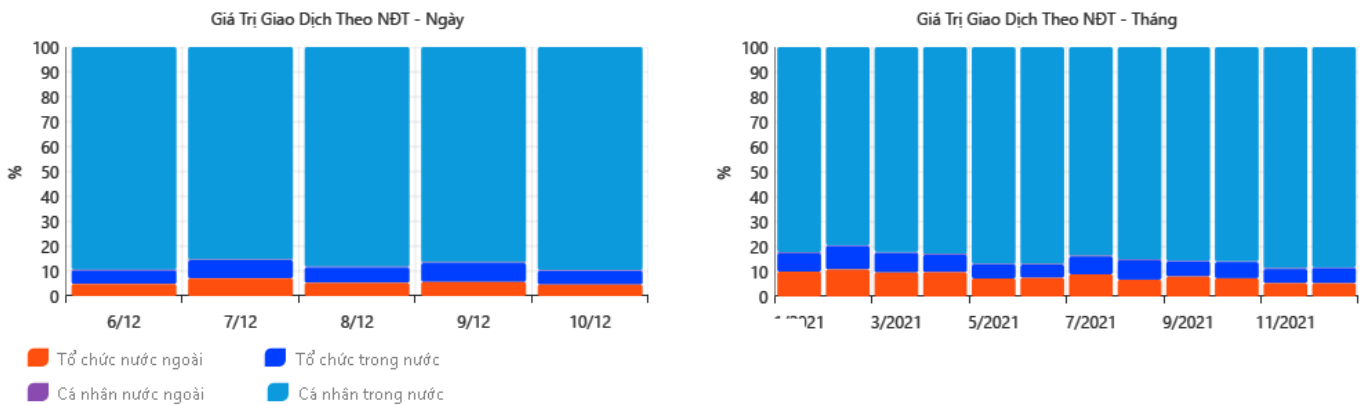


DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

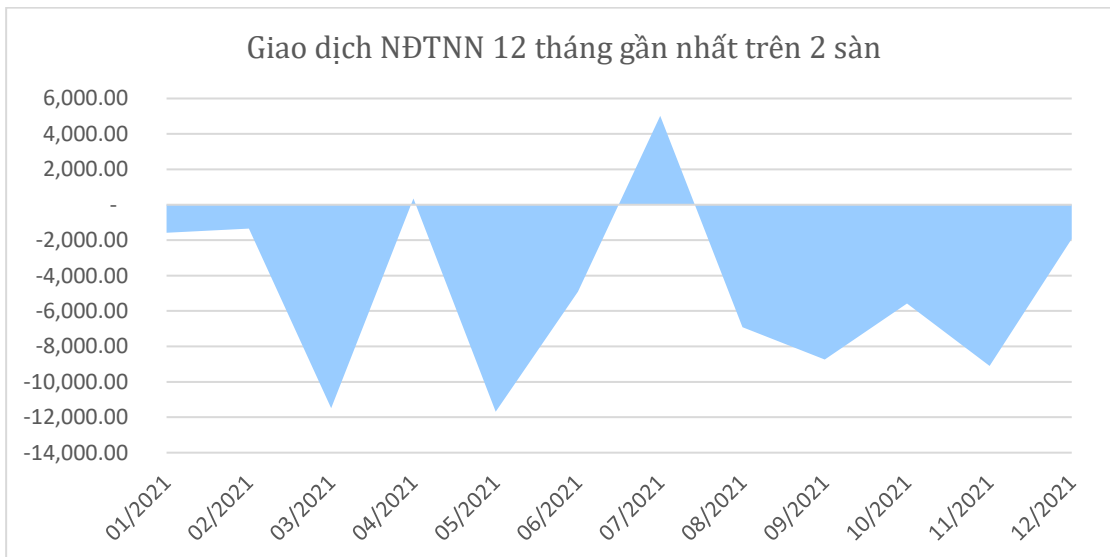
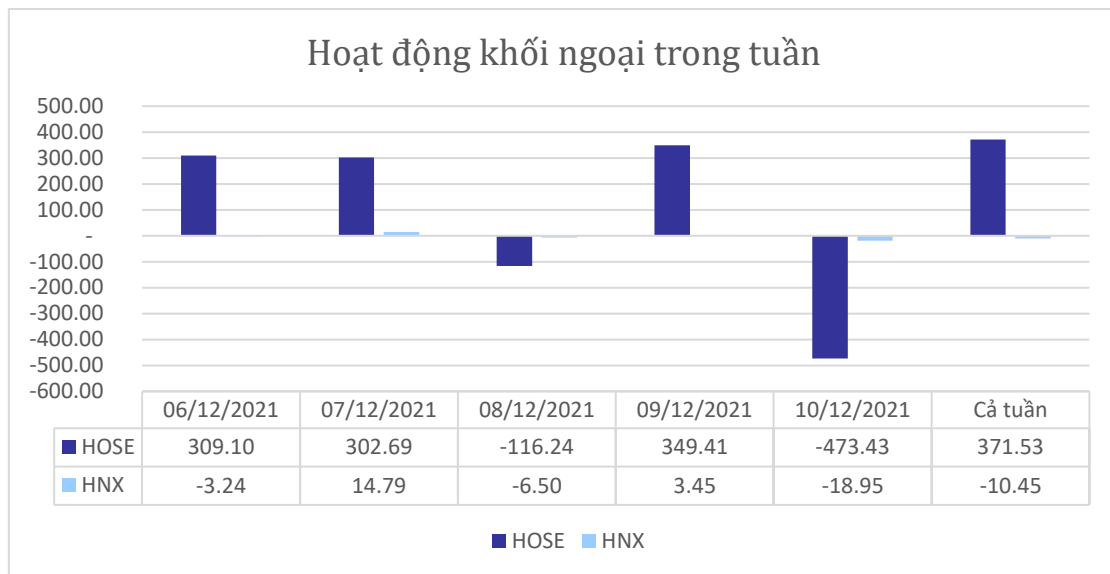
Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
SSI	4.95%	8,607.4	HPG	-2.52%	2,189.4
HPG	-2.52%	7,394.8	VIC	-2.27%	1,422.6
PDR	4.00%	5,400.6	VHM	0.87%	1,348.5
KBC	7.24%	4,902.0	GAB	-0.36%	1,123.6
VPB	0.28%	4,822.1	VNM	0.58%	881.3

Tỷ trọng giao dịch



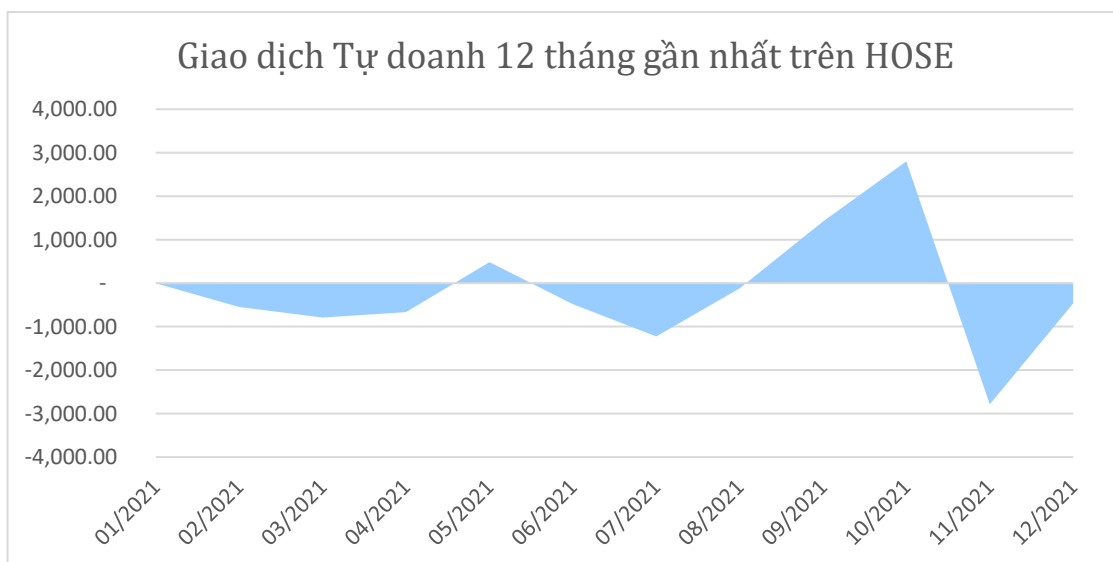
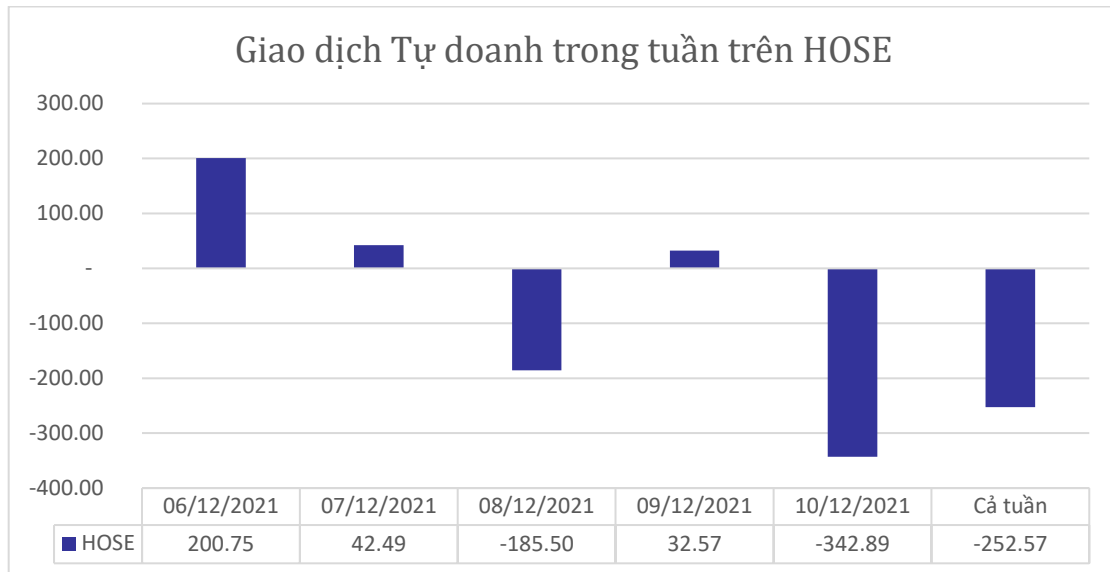
KHỐI NGOẠI

Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
VHM	0.87%	436.02	HPG	-2.52%	313.89
VRE	8.01%	147.39	TCH	-1.57%	223.80
VIC	-2.27%	118.99	NVL	1.80%	192.61
SSI	4.95%	92.61	HDG	4.97%	131.37
VCI	3.96%	91.22	VPB	0.28%	122.39



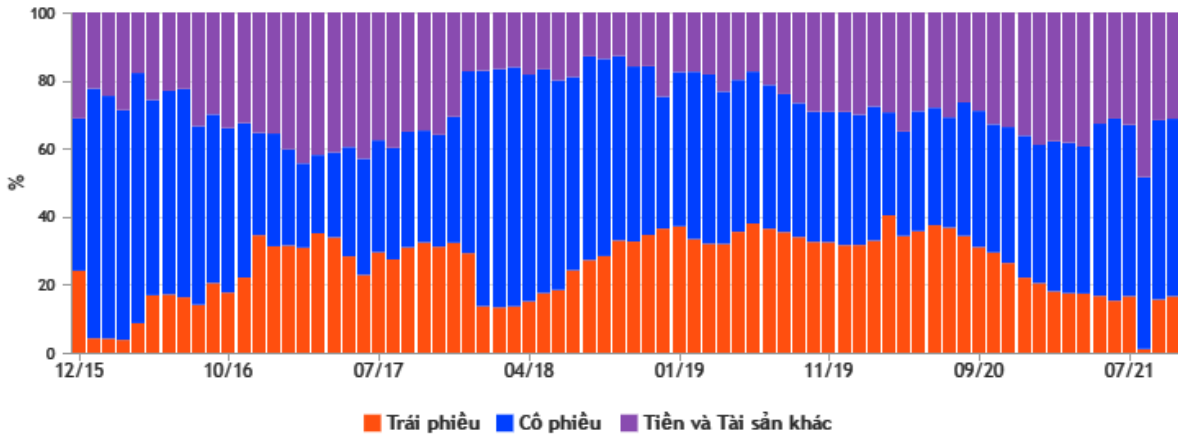
HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH TRÊN HOSE CỦA CÁC CTCK

Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
VPB	0.28%	62.48	MWG	0.45%	125.83
VRE	8.01%	52.81	VHM	0.87%	76.58
MSN	1.79%	47.52	FUEVFN30	0.07%	66.98
STB	2.14%	30.93	E1VFN30	0.39%	51.61
TCB	0.00%	18.60	HPG	-2.52%	44.86

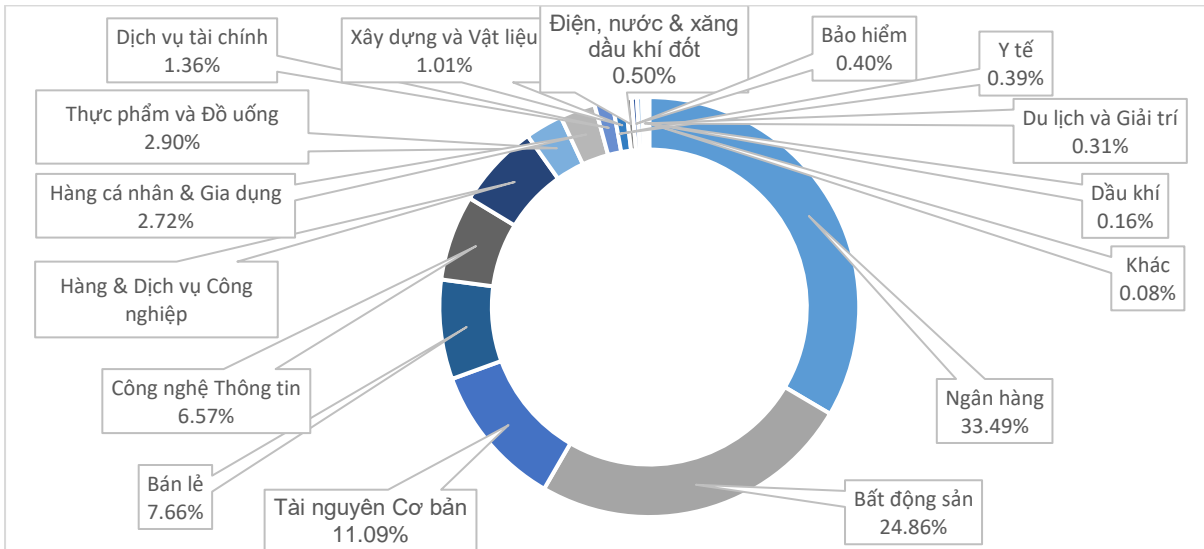


TỔ CHỨC (40 quỹ do finrpo platform theo dõi)

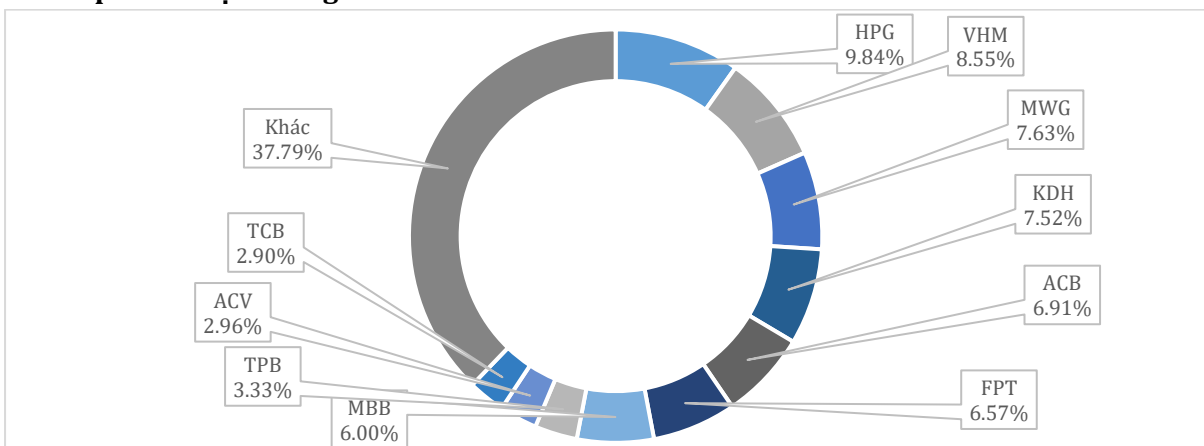
Phân bổ tài sản



Phân bổ các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất



LỊCH SỰ KIỆN TUẦN TỚI

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
TFC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	13/12/21	14/12/21	27/12/21
LIG	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	13/12/21	14/12/21	13/12/21
WSB	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500đ/cp)	13/12/21	14/12/21	30/12/21
AUM	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	13/12/21	14/12/21	13/12/21
PAN	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2021	13/12/21	14/12/21	10/01/22
PGV	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	13/12/21	14/12/21	13/12/21
DNA	Upcom	Giao dịch 2.682.122 cổ phiếu niêm yết bổ sung	13/12/21	13/12/21	13/12/21
CTG	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (800 đ/cp)	14/12/21	15/12/21	17/01/22
NRC	HNX	Giao dịch đầu tiên 4.008.881 cổ phiếu niêm yết bổ sung			14/12/21
MSN	HSX	Giao dịch đầu tiên 5.000.000 trái phiếu niêm yết			14/12/21
NLS	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	14/12/21	15/12/21	14/12/21
SBM	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)	14/12/21	15/12/21	31/03/22
MSN	HSX	Giao dịch đầu tiên 5.000.000 trái phiếu niêm yết			14/12/21
MSN	HSX	Giao dịch đầu tiên 5.000.000 trái phiếu niêm yết			14/12/21
MSN	HSX	Giao dịch đầu tiên 4.000.000 trái phiếu niêm yết			14/12/21
ILA	Upcom	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 9%)	14/12/21	15/12/21	14/12/21
MSN	HSX	Giao dịch đầu tiên 5.000.000 trái phiếu niêm yết			14/12/21
NDC	Upcom	Đại hội cổ đông bất thường năm 2021	14/12/21	15/12/21	14/12/21
VSI	HSX	Trả cổ tức đợt 1 năm 2021 (1.400 đ/cp)	14/12/21	15/12/21	30/12/21
MED	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (3.000 đ/cp), bán ưu đãi (tỷ lệ 1:1)	14/12/21	15/12/21	27/12/21
OGC	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	14/12/21	15/12/21	22/12/21
KHP	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 1.000:25)	14/12/21	15/12/21	14/12/21
BVH	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	14/12/21	15/12/21	14/12/21
PNC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			14/12/21
BVH	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	14/12/21	15/12/21	14/12/21
VE2	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	14/12/21	15/12/21	14/12/21
CH	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	15/12/21	16/12/21	15/12/21
TRC	HSX	Tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 1 năm 2021 (1.000 đ/cp)	15/12/21	16/12/21	14/01/22
KLB	Upcom	Giao dịch 41.586.082 cổ phiếu niêm yết bổ sung	15/12/21	15/12/21	15/12/21
GLT	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (900 đ/cp)	15/12/21	16/12/21	29/12/21
VCF	HSX	Tạm ứng cổ tức năm 2021 (25.000 đ/cp)	15/12/21	16/12/21	24/12/21
SBD	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	15/12/21	16/12/21	28/12/21
MSN	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, tạm ứng cổ tức đợt 2/2021 (250 đ/cp)	15/12/21	16/12/21	24/12/21
NUE	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (722đ/cp)	15/12/21	16/12/21	29/12/21
HKC	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	16/12/21	16/12/21	16/12/21
NTC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (8.000đ/cp)	16/12/21	17/12/21	17/06/22
PHR	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 (2.500 đ/cp)	16/12/21	17/12/21	15/06/22
DPR	HSX	Chi trả tạm ứng cổ tức năm 2021 (1.500 đ/cp)	16/12/21	17/12/21	31/03/22
TS3	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	16/12/21	17/12/21	16/12/21



MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
VIG	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	16/12/21	17/12/21	16/12/21
THI	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (1.000 đ/cp)	16/12/21	17/12/21	06/01/22
PAS	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800đ/cp)	17/12/21	20/12/21	31/12/21
DRC	HSX	Tạm ứng cổ tức năm 2021 (500 đ/cp)	17/12/21	20/12/21	14/01/22
TMG	Upcom	ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2021, trả cổ tức bằng tiền mặt (2.300đ/cp)	17/12/21	20/12/21	30/12/21
NAV	HSX	Chi bổ sung cổ tức năm 2020, tạm ứng cổ tức đợt 1/2021 (1.700 đ/cp)	17/12/21	20/12/21	30/12/21
GMX	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (600 đ/cp)	17/12/21	20/12/21	12/01/22
VCI	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 (1.200 đ/cp)	17/12/21	20/12/21	29/12/21
API	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	17/12/21	20/12/21	17/12/21
BRR	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (450đ/cp)	17/12/21	20/12/21	01/04/22
CMX	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2021			19/12/21
BSI	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2021			19/12/21



XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. IVS Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. IVS và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. IVS không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của IVS tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của IVS. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

IVS RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	704
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	703
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungth@gtjas.com.vn	706
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	709

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: ivs@ivs.com.vn Website: www.ivs.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696